TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 04/2019/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 01 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1996.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản A, xã P, huyện S, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T - Sinh năm: 1988.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản X, xã S, huyện Phong Thổ,tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phạm Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phạm Văn T khai nhận thống nhất anh, chị có 01 con chung là Phạm Thu T1, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Sau ly hôn nguyên đơn chị H và bị đơn anh T thỏa thuận thống nhất chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Phạm Thu T1 cho đến khi các cháu T1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Các bên phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ án phí của vụ án sẽ do nguyên đơn nộp. Vậy nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002141, ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vậy khấu trừ án phí Nguyên đơn được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- UBND Phường Đ-t.p L-LC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà